

**TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /CTBGI-TTHT  
V/v chính sách thuế

Bắc Giang, ngày tháng năm

Kính gửi: Công ty TNHH CHECKPOINT  
Địa chỉ: Thôn Lìm Xuyên, xã Song Khê, thành phố Bắc Giang,  
tỉnh Bắc Giang; Mã số thuế 2400833916

Ngày 10/7/2024, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang nhận được Công văn số 01/2024-CVHD đề tháng 7 năm 2024 của Công ty TNHH CHECKPOINT (sau đây gọi tắt là Công ty) về việc xác định thương nhân nước ngoài có hiện diện tại Việt Nam và điều kiện khấu trừ hoàn thuế đầu vào đối trường hợp coi là xuất khẩu. Về vấn đề này, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang có ý kiến như sau:

Căn cứ khoản 5 Điều 3 Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12/6/2017 của Quốc hội:

*“Điều 3. Giải thích từ ngữ*

*Trong Luật này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:*

...

*5. Thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam là thương nhân nước ngoài không có hoạt động đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam theo các hình thức được quy định trong pháp luật về đầu tư, thương mại, doanh nghiệp; không có văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về thương mại, doanh nghiệp.”*

Căn cứ khoản 2 Điều 3 Nghị định số 90/2007/NĐ-CP ngày 31/5/2007 của Chính phủ quy định về quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam:

*“Điều 3. Giải thích từ ngữ*

*Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:*

...

*2. Thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam là thương nhân nước ngoài không có đầu tư trực tiếp tại Việt Nam theo các hình thức được quy định trong Luật Đầu tư, Luật Thương mại; không có văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam theo Luật Thương mại.”*

Căn cứ Điều 2 Thông tư số 28/2012/TT-BCT ngày 27/9/2012 của Bộ Công thương quy định chi tiết việc đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu của thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam:

*“Điều 2. Thực hiện quyền xuất khẩu*

*1. Thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam (sau đây gọi tắt là thương nhân không hiện diện) đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu thực hiện quyền xuất khẩu như sau:*

*a) Được xuất khẩu các mặt hàng không thuộc danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, danh mục hàng hóa tạm ngừng xuất khẩu, danh mục hàng hóa không được quyền xuất khẩu theo cam kết quốc tế. Đối với hàng hóa xuất khẩu có điều kiện phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật;*

*b) Đối với hàng hóa xuất khẩu thuộc danh mục hàng hóa xuất khẩu theo lộ trình trong các cam kết quốc tế, thực hiện theo lộ trình cam kết;*

*c) Được trực tiếp làm thủ tục xuất khẩu hàng hóa tại cơ quan Hải quan theo quy định của pháp luật trên cơ sở hợp đồng mua hàng ký với thương nhân Việt Nam;*

*d) Mặt hàng xuất khẩu phải phù hợp với nội dung Giấy chứng nhận đăng ký quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu.*

*2. Thương nhân không hiện diện chỉ được trực tiếp mua hàng hóa của thương nhân Việt Nam có đăng ký kinh doanh hoặc có quyền xuất khẩu hoặc quyền phân phối hàng hóa đó để xuất khẩu; không được tổ chức mạng lưới mua gom hàng hóa tại Việt Nam để xuất khẩu, bao gồm việc mở địa điểm để mua gom hàng hóa xuất khẩu, trừ trường hợp pháp luật Việt Nam hoặc điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.”*

Căn cứ khoản 1 Điều 86 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu:

*“Điều 86. Thủ tục hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ*

*1. Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu tại chỗ gồm:*

*...*

*c) Hàng hóa mua bán giữa doanh nghiệp Việt Nam với tổ chức, cá nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài chỉ định giao, nhận hàng hóa với doanh nghiệp khác tại Việt Nam.*

*...”*

Căn cứ Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng:

- Tại khoản 1 Điều 9 quy định về thuế suất 0%

*“1. Thuế suất 0%: áp dụng đối với hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu; hoạt động xây dựng, lắp đặt công trình ở nước ngoài và ở trong khu phi thuế quan; vận tải quốc tế; hàng hoá, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT khi xuất khẩu, trừ các trường hợp không áp dụng mức thuế suất 0% hướng dẫn tại khoản 3 Điều này.*

*Hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu là hàng hoá, dịch vụ được bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân ở nước ngoài và tiêu dùng ở ngoài Việt Nam; bán, cung ứng cho tổ chức, cá nhân trong khu phi thuế quan; hàng hoá, dịch vụ cung cấp cho khách hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật.*

*a) Hàng hóa xuất khẩu bao gồm:*

*...*

*- Các trường hợp được coi là xuất khẩu theo quy định của pháp luật:*

*...*

*+Hàng hoá xuất khẩu tại chỗ theo quy định của pháp luật.*

*... ”*

- Tại điểm a khoản 2 Điều 9 quy định về điều kiện áp dụng thuế suất 0%

*“a) Đối với hàng hoá xuất khẩu:*

*- Có hợp đồng bán, gia công hàng hoá xuất khẩu; hợp đồng uỷ thác xuất khẩu;*

*- Có chứng từ thanh toán tiền hàng hoá xuất khẩu qua ngân hàng và các chứng từ khác theo quy định của pháp luật;*

*- Có tờ khai hải quan theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Thông tư này.”*

*- Tại khoản 2 Điều 17 quy định về điều kiện khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào đối với một số trường hợp hàng hóa được coi như xuất khẩu:*

*“2. Hàng hoá xuất khẩu tại chỗ theo quy định của pháp luật:*

*a) Hợp đồng mua bán hàng hoá hoặc hợp đồng gia công có chỉ định giao hàng tại Việt Nam;*

*b) Tờ khai hải quan hàng hoá xuất khẩu - nhập khẩu tại chỗ đã làm xong thủ tục hải quan;*

*c) Hoá đơn giá trị gia tăng hoặc hóa đơn xuất khẩu ghi rõ tên người mua phía nước ngoài, tên doanh nghiệp nhận hàng và địa điểm giao hàng tại Việt Nam;*

*d) Hàng hóa bán cho thương nhân nước ngoài nhưng giao hàng tại Việt Nam phải thanh toán qua ngân hàng bằng ngoại tệ tự do chuyển đổi. Chứng từ thanh toán qua ngân hàng theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 16 Thông tư này. Trường hợp người nhập khẩu tại chỗ được phía nước ngoài uỷ quyền thanh toán cho người xuất khẩu tại chỗ thì đồng tiền thanh toán thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.*

*đ) Hàng hóa xuất khẩu tại chỗ của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải phù hợp với quy định tại giấy phép đầu tư.*

...

*Các trường hợp cơ sở kinh doanh có hàng hóa xuất khẩu hoặc hàng hoá được coi như xuất khẩu hướng dẫn tại Điều 16, Điều 17 Thông tư này nếu đã có xác nhận của cơ quan Hải quan (đối với hàng hóa xuất khẩu) nhưng không có đủ các thủ tục, hồ sơ khác đối với từng trường hợp cụ thể thì không phải tính thuế GTGT đầu ra nhưng không được khấu trừ thuế GTGT đầu vào. Riêng đối với trường hợp hàng hoá gia công chuyển tiếp và hàng hoá xuất khẩu tại chỗ, nếu không có đủ một trong các thủ tục, hồ sơ theo quy định thì phải tính và nộp thuế GTGT như hàng hóa tiêu thụ nội địa. Đối với cơ sở kinh doanh có dịch vụ xuất khẩu nếu không đáp ứng điều kiện về thanh toán qua ngân hàng hoặc được coi như thanh toán qua ngân hàng thì không được áp dụng thuế suất thuế GTGT 0%, không phải tính thuế GTGT đầu ra nhưng không được khấu trừ thuế đầu vào.”*

Căn cứ các quy định nêu trên và nội dung Công ty hỏi, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang trả lời về nguyên tắc như sau:

- Thương nhân nước ngoài không có hiện diện tại Việt Nam là thương nhân nước ngoài không có đầu tư trực tiếp tại Việt Nam theo các hình thức được quy định trong Luật Đầu tư, Luật Thương mại; không có văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam theo Luật Thương mại.

- Trường hợp Công ty ký hợp đồng mua bán hàng hóa với thương nhân nước ngoài không hiện diện tại Việt Nam và được thương nhân nước ngoài thực hiện thỏa thuận giao hàng chỉ định cho bên thứ ba tại Việt Nam thì thuộc trường hợp hàng hóa xuất khẩu tại chỗ theo quy định tại khoản 1 Điều 86 Thông tư số 35/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính. Để được áp dụng thuế suất 0% đối hàng hóa xuất khẩu tại chỗ, điều kiện khấu trừ, hoàn thuế GTGT đầu vào đối với hàng hóa được coi như xuất khẩu, Công ty phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 9 và khoản 2 Điều 17 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính. Trường hợp Công ty

không đáp ứng đầy đủ các các thủ tục, hồ sơ theo quy định thì phải tính và nộp thuế GTGT như đối với hàng hóa tiêu thụ nội địa.

Đề nghị Công ty căn cứ tình hình thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh, đối chiếu với các nội dung văn bản pháp luật trích dẫn nêu trên để áp dụng theo đúng quy định.

Cục Thuế tỉnh Bắc Giang trả lời đề Công ty được biết và thực hiện, quá trình thực hiện còn vướng mắc đề nghị Công ty liên hệ với Phòng Tuyên truyền - Hỗ trợ NNT, Cục Thuế tỉnh Bắc Giang, số máy điện thoại 0204.3.857.284 để được hỗ trợ ./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Lãnh đạo Cục;
- Phòng: NVDTPC;
- Website Cục Thuế;
- Lưu: VT, TTHT.

**KT. CỤC TRƯỞNG  
PHÓ CỤC TRƯỞNG**

**Nguyễn Văn Sỹ**